

Bản án số: **29/2026/HS-ST**
Ngày: 17 - 6 - 2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Gái

Ông Giang Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang: Ông Dương Ngọc Sửu – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2026 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Văn N**, sinh ngày 03/05/1981 tại xã H, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã K, tỉnh Cà Mau. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam, Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1945 và bà Đoàn Thị Đ, sinh năm: 1953. Vợ Trần Thị Thùy T (đã ly hôn), C 02 con cùng sinh năm 2018.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không

Bị áp dụng biện pháp đi khỏi nơi cư trú từ 07/03/2026 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Những người tham gia tố tụng:

2.1. Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1960 (chết)

- Ông Lê Văn T1, sinh năm: 1956.

Cùng địa chỉ: Tổ C, ấp S, xã H, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị D là:

- Ông Lê Văn T1, sinh năm: 1956 (*có mặt*).
- Chị Lê Thị Bích V, sinh năm: 1979 (*vắng mặt*)
- Anh Lê Văn C1, sinh năm: 1983 (*có mặt*)
- Anh Lê Văn B, sinh năm: 1985 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)
- Chị Lê Thị B1, sinh năm: 1987 (*có mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp S, xã H, tỉnh An Giang.

2.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1977 (*có mặt*)

Địa chỉ: Số F, khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau.

- Ông Lê Văn C1, sinh năm: 1983 (*có mặt*)

Địa chỉ: Tổ D, ấp S, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 03 giờ ngày 07/01/2026, Nguyễn Văn N điều khiển xe ô tô bán tải có biển số 69A - 277.01 (mượn của Nguyễn Văn H đứng tên chủ hữu) điều khiển trên Quốc lộ H, hướng H - Rạch G. Khi đến khu vực ấp T, xã S, tỉnh An Giang, Nguyễn phát hiện xe mô tô biển số 68D1 - 641.69 do Lê Văn T1 chở vợ Nguyễn Thị D đang chạy cùng chiều phía trước. N điều khiển xe định vượt xe mô tô của ông T1 thì va chạm vào phần đầu bên phải của xe ô tô làm xe mô tô và ông T1, D ngã xuống đường nhựa, N định đạp phanh (thắng) nhưng đạp nhầm chân ga làm xe ô tô đẩy xe mô tô của T1 khoảng 12m, sau đó dừng lại. Lúc này, Trương Văn L, Lê Thị Bạch T2 (người dân sống tại nơi xảy ra tai nạn) từ trong nhà đi ra đưa D vào trong lề đường, Nguyễn sơ C2 cho D, còn T1 điện thoại cho Lê Văn C1 (con của T1) hay bị tai nạn giao thông nên C1 cùng Nguyễn Thiện N1 điều khiển xe cứu thương biển số 68B - 028.19 đến nhưng D đã chết. N sợ bị người thân đánh nên N để lại số điện thoại cho C1 rồi điều khiển xe ô tô chạy về hướng Rạch G. Sau đó, N điều khiển xe quay lại nơi xảy ra vụ việc. Riêng T1 bị thương tích được N1 đưa đến Bệnh viện T4 (nay An Giang) cấp cứu, điều trị. Đến ngày 08/01/2026, T1 ra viện.

Tại kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của Nguyễn Văn N vào ngày 07/01/2026 của Công an xã S, tỉnh An Giang. Kết quả Nguyên âm tính với chất ma túy Methamphetamine.

Tại kết quả kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của Nguyễn Văn N vào ngày 07/01/2026 của Phòng C3 - Công an tỉnh A đối với Nguyễn Văn N: Kết quả là: 0,000 mg/lít khí thở.

Tại kết luận giám định thi số 153/KLGĐTT-KTHS ngày 18/01/2026 của Phòng K - Công an tỉnh A kết luận giám định tử thi đối với Nguyễn Thị D, ghi nhận:

- Các kết quả chính: Sây sát da mạn sườn trái kích thước 12cm x 3,5cm; Tụ máu mặt sau xương ức kích thước 4,5 x 4cm; Gãy cung bên xương sườn số 2,3,4,5,6 bên trái. Ổ bụng có khoảng 1000ml máu loãng và 100 gam máu cục. mạc thành sau bên trái. Gãy xương cột sống thắt lưng L2, L3.

- Kết luận: Nguyên nhân chết là do máu vì đa chấn thương.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 128/KLTTCT -PY ngày 24/02/2026 của Trung tâm pháp y tỉnh A đối với Lê Văn T1, ghi nhận:

- Các kết quả chính:

+ Kết quả giám định: Sẹo phần mềm mi trên bên phải. Tỷ lệ là 03%. Đứt lệ quản dưới mắt phải. Tỷ lệ là 07%. Vết biến đổi sắc tố da vùng gò má phải. Tỷ lệ là 01%. Sẹo phần mềm ngón II tay trái. Tỷ lệ là 01%. Cứng khớp liên đốt gần ngón II tay trái. Tỷ lệ là 03%. Sẹo phần mềm vùng gối phải. Tỷ lệ là 03%. Sẹo phần mềm vùng gối trái. Tỷ lệ là 03%.

+ Kết quả cận lâm sàng: Xquang bàn tay trái thẳng, nghiêng: Trật khớp liên đốt gần ngón II còn dụng cụ kết hợp xương.

- Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn T1 tại thời điểm giám định là: 19%.

Tại Bản kết luận giám định số 795/KL- KTHS ngày 25/3/2026 của Phòng K - Công an tỉnh A kết luận: “Giấy phép lái xe” số: 960119013837 (Hạng B), mang tên Nguyễn Văn N, ngày sinh: 03/05/1981; Nơi cư trú: TT. C, H. C, T3 Sóc Trăng; cấp ngày: 15/03/2018, mẫu cần giám định ký hiệu A là thật.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, màu trắng, biển số 69A -277.01; số máy: RZ4EFAF620; số khung: MPATF87JST001107, trọng tải 495kg bị hư hỏng, xe đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới số VA: 2678079 (có hiệu lực đến hết ngày

13/10/2027); 01 (một) giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm xe ô tô; số: 250585212 (giá trị sử dụng đến ngày 14/10/2026); Các mảnh nhựa và thủy tinh vỡ đã trả cho Nguyễn Văn H.

- Xe mô tô biển số 68D1- 641.69; nhãn hiệu: Honda; số loại: AIRBLADE; Màu sơn: xanh, xám đen; số khung; 4103LZA57074; số máy: KF41E0022363; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 055312, biển số đăng ký 68D1- 641.69 tên Lê Văn C1; 01 (một) mảnh vỡ nhựa kích thước 20 cm x 11cm đã trả lại cho Lê Văn C1;

- 04 (bốn chiếc dép) trong đó 02 chiếc dép màu xanh, 02 chiếc dép màu đen; Giấy phép lái xe hạng A1, số AA 745606 tên Lê Văn T1, sinh năm 1956, đã trả cho Lê Văn T1;

- 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 của Nguyễn Văn N, Số I (giá trị sử dụng đến ngày 15/03/2028).

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại đã nhận số tiền 150.000.000 đồng và không yêu cầu Nguyễn Văn N bồi thường thêm khoản nào khác nên không đặt ra xem xét.

*** Tại Cáo trạng số 15/CT-VKSKV4 ngày 01/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang đã truy tố** bị can Nguyễn Văn N về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm a khoản 1, Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025*).

*** Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - An Giang có ý kiến:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025*) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách án treo là 02 năm đến 03 năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo N đã bồi thường cho đại diện hợp pháp cho bị hại và bị hại T1 số tiền 150.000.000 đồng và đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại T1 đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo phải bồi thêm bất cứ khoản tiền nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận quyết định xử lý vật chứng là trả lại tài sản cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Quyết định xử lý vật chứng số D616/QĐ-VPCQCSĐT ngày 07/4/2026 về việc xử lý tài sản, đồ vật của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A về việc trả lại cho chủ sở hữu.

Đồng thời, đề nghị HĐXX trả cho bị cáo Nguyễn Văn N giấy phép lái xe hạng B2, số 960119013837 họ và tên Nguyễn Văn N (*theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 07/QĐ-VKSKV4 ngày 01/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang*).

Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- *Đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị D; đồng thời, là bị hại ông Lê Văn T1 có ý kiến:* Bị cáo với đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại đã thỏa thuận bị cáo bồi thường cho bị hại tổng số tiền 150.000.000 đồng, bị cáo N đã bồi thường xong số tiền này nên bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bất cứ khoản tiền nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Ngoài ra, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại có đơn bãi nại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị Lê Thị B1 là đại diện hợp pháp của bà D có ý kiến: Chị thống nhất với ý kiến và yêu cầu của cha chị là ông Lê Văn T1 và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến:*

Ông Lê Văn C1 có ý kiến: Anh đã nhận lại xe mang biển số 68D1-641.69 nên anh không yêu cầu gì liên quan đến tài sản. Đồng thời, anh cũng là đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị D, gia đình anh đã nhận đủ số tiền bị cáo N bồi thường là 150.000.000 đồng, anh và gia đình không yêu cầu bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Anh Nguyễn Văn H có ý kiến: Anh đã nhận được tài sản là xe ô tô bán tải có biển số 69A - 277.01 do anh cho bị cáo Nguyễn mượn và anh không có yêu cầu gì trong vụ kiện.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn N khai nhận* hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang đã truy tố đối với bị cáo. Lời nói sau cùng của bị cáo N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo để bị cáo trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội và tội danh: Bị cáo N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo; Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, cùng với đặc điểm vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 03 giờ ngày 07/01/2026, tại Quốc lộ H, ấp T, xã S, tỉnh An Giang, bị cáo Nguyễn Văn N có giấy phép lái xe B2, không sử dụng rượu, bia, chất ma túy và các chất kích thích khác điều khiển xe mô tô bán tải mang biển số 69A – 277.01 vượt xe không đảm bảo an toàn và va chạm vào xe mô tô mang biển số 68D1 - 641.69 do Lê Văn T1 điều khiển chở Nguyễn Thị D. Hậu quả làm cho bà D chết và T1 bị thương.

Theo kết luận giám định tử thi số 153/KLGĐTT-KTHS ngày 18/01/2026 của Phòng K - Công an tỉnh A đã kết luận nguyên nhân tử vong của bị hại Nguyễn Thị D là mất máu do đa chấn thương. Đồng thời, tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 128/KLTTCT-PY ngày 24/02/2026 đối với bị hại Lê

Văn T1 đã kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do ông T1 là 19%. Do đó, hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 6 Điều 14 của Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – An Giang đã bị truy tố về tội “*Vi phạm quy định tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025*) là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3]. *Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi*: Bị cáo N là người đã thành niên đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được rằng khi tham gia giao thông đường bộ thì phải tuân thủ luật giao thông đường bộ nhưng do không chú ý quan sát khi vượt lên xe mô tô do ông T1 điều khiển nên dẫn đến va chạm. Hậu quả làm xe do ông T1 bị ngã, bị hại Nguyễn Thị D chết và bị hại T1 bị thương tích. Mặc dù, bị cáo không mong muốn nhưng hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tính mạng và sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần có một mức án nghiêm để răn đe, giáo dục cho bị cáo để trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025*).

[5]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại T1. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025*).

Đồng thời, bị hại Lê Văn T1 và những người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị D có đơn xin bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo N. Ngoài ra, bị cáo N là lao động chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn và bị cáo đang thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung chưa thành niên đang đi học, chăm sóc cha mẹ đã hết tuổi lao động. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025*).

Xét thấy, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khoản 2 Điều 51, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 52 của Bộ

luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025*). Đồng thời, tại thời điểm phạm tội, bị cáo N có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và giao bị cáo N cho chính quyền địa phương trong thời gian nhất định cũng đủ rắn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025*), bị cáo N có thể bị hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên, theo các tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án cho thấy bị cáo N không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 150.000.000 đồng. Bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền này theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại và bị cáo đã bồi thường xong số tiền này. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại Lê Văn T1 không yêu cầu bồi thường thêm bất cứ khoản tiền nào khác. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[8]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số D616/QĐ-VPCQCSĐT ngày 07/4/2026 về việc xử lý tài sản, đồ vật của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A về việc trả lại cho chủ sở hữu.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn N giấy phép lái xe hạng B2, số 960119013837 họ và tên Nguyễn Văn N (*theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 07/QĐ-VKSKV4 ngày 01/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang*).

[9]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn N** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025*).

Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;

Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của ngày 15/5/2018 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn N** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/6/2026).

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã K để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. *Về hình phạt bổ sung:* Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn N.

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo với bị hại Lê Văn T1 cùng với đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị D bồi thường toàn bộ chi phí với số tiền 150.000.000 đồng và bị cáo đã bồi thường xong.

4. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025*):

Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số D616/QĐ-VPCQCSĐT ngày 07/4/2026 về việc xử lý tài sản, đồ vật của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A về việc trả lại cho chủ sở hữu.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn N giấy phép lái xe hạng B2, số 960119013837 họ và tên Nguyễn Văn N (*theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 07/QĐ-VKSKV4 ngày 01/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang*).

5. *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại và đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Văn B, chị Lê Thị Bích V vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- VKSND cùng;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- CQĐT, CQ.THA hình sự
& Nhà tạm giữ CA ;
- Phòng THADS huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh